TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2018
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A** – sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn T** – sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2017 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Lê Văn T do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào ngày 20 tháng 4 năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào

ngày 22 tháng 8 năm 2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ ruột của chị tại ấp K, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Đến ngày 20 tháng 9 năm 2005 vợ chồng xây nhà trên đất cha mẹ chị cho để vợ chồng ra riêng tự lập. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T uống rượu về thường chửi chị, anh T đi làm tiêu xài cá nhân không lo cho vợ con, chị đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không sửa đổi. Chị và anh T không còn sống chung từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Lê Thị Anh T – sinh ngày 22 tháng 8 năm 2005 hiện đang sống với chị A. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Anh T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo tờ tường trình ngày 11 tháng 8 năm 2017 do bà Nguyễn Thị Bé H là mẹ ruột của anh Lê Văn T nộp tại Tòa án bị đơn anh Lê Văn T trình bày:***

Vào năm 2003 anh và chị Nguyễn Thị A tự tìm hiểu quen biết được gia đình hai bên chấp thuận tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn cha mẹ vợ yêu cầu vợ chồng anh sống gần cha mẹ vợ vì cha mẹ vợ chỉ có chị A là con gái và để chị A tiện bề chăm sóc cho mẹ vợ đau bệnh. Cha mẹ có cho chị A một nền nhà để vợ chồng xây nhà ở. Đến năm 2005 khi anh chị có con thì cha mẹ vợ vào ấp H ở vợ chồng vào nhà cha mẹ ở. Công việc của anh là chăm sóc vườn, lột dừa mướn để kiếm tiền lo cho vợ con. Khi đó anh có xây dựng chuồng trại cho vợ anh nuôi 04 con heo, nuôi gà, vịt để sinh sống nhưng mỗi lần bán vật nuôi là chị A kêu đem tiền cho mẹ vợ. Đến năm 2010 cha mẹ vợ mua ghe chở trấu kêu anh theo ghe gánh trấu. Thời gian anh đi ghe trấu chị A ở nhà không biết lý do nào gây nợ số tiền 80.000.000đ vì khi anh hỏi mẹ vợ tiền bán heo, gà, vịt và tiền anh gánh trấu hàng tháng mẹ vợ chỉ đưa anh ít tiền tiêu xài còn lại bao nhiêu gởi cho mẹ vợ giữ thì mẹ vợ nói là đã đưa hết cho chị A. Mẹ vợ biết anh có gởi cho bác tư của anh số tiền 80.000.000đ là tiền anh dành dụm khi chưa cưới vợ, mẹ vợ kêu anh lấy tiền trả nợ cho chị A. Sau khi trả nợ xong vợ chồng bỏ nhà ở ấp K vào ấp H ở chung với cha mẹ vợ. Đến năm 2014 vợ chồng trở về ấp K ở đậu nhà dì vợ, anh dùng số tiền 40.000.000đ là tiền anh dành dụm để mua 03 con bò về nuôi đồng thời đi làm thuê cho công ty vật tư. Khi bán bò xong tiền vốn 40.000.000đ anh cũng gởi cho cha mẹ vợ. Đến tháng 10 năm 2015 dì vợ bán miếng đất vườn mà vợ chồng anh đang ở nên cha mẹ vợ cho vợ chồng về xây nhà trên đất của cha mẹ vợ đã cho vợ chồng anh trước đây, số tiền 40.000.000đ vợ chồng lấy lại để xây nhà. Khi xây nhà vừa xong ở được ba bốn ngày thì không biết vì lý do gì ngày 22 tháng 11 năm 2015 chị A đem con về nhà cha mẹ vợ vì giữa anh và chị A không có cãi vã. Ngày hôm sau anh có đến công an

ấp trình báo sự việc. Đến ngày 18 tháng 5 năm 2017 mẹ vợ điện thoại cho mẹ ruột của anh nói là chị A làm đơn ly hôn. Trong sự việc này anh không có lỗi do chị A đã bỏ đi hơn một năm nay về làm đơn xin ly hôn. Nay anh T yêu cầu nếu chị A ăn năn hối lỗi anh bỏ qua mọi chuyện để vợ chồng trở về chung sống lo cho con. Nếu chị A kiên quyết ly hôn anh yêu cầu Toà án xem xét cho anh.

Anh Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện anh T không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T cố tình không hợp tác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 15 tháng 8 năm 2017 cháu Lê Thị A – sinh ngày 22 tháng 8 năm 2005 trình bày:*** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2017; giấy chứng minh nhân dân bản sao; sổ hộ khẩu bản sao; trích lục kết hôn bản sao; đơn xin xác nhận đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn Lê Văn T, giấy khai sinh bản sao; bảng khai ý kiến của cháu Lê Thị Anh T bản gốc.

Bị đơn anh Lê Văn T đã nộp: 01 tờ tường trình ngày 11 tháng 8 năm 2017 bản gốc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Anh T – sinh ngày 22 tháng 8 năm 2005 cho chị A nuôi dưỡng, anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình: Buộc chị A chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Lê Văn T cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào ngày 20 tháng 4 năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 22 tháng 8 năm 2005. Theo lời trình bày của chị A thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T uống rượu về thường chửi chị, anh T đi làm tiêu xài cá nhân không lo cho vợ con. Theo anh T trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn do chị A tự bỏ đi, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị A yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Tại phiên toà chị Nguyễn Thị A yêu cầu nuôi cháu Lê Thị Anh T – sinh ngày 22 tháng 8 năm 2005 không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị A nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Lê Văn T.

[2] Con chung: Giao cháu Lê Thị Anh T – sinh ngày 22 tháng 8 năm 2005 cho chị A nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị A nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0008020 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Vui